

## XÂY DỰNG HỒ SƠ NĂNG LỰC SINH VIÊN TỐT NGHIỆP CHUYÊN NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM - ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

**Đào Ngọc Anh**

*Trường Đại học Sư phạm – ĐH Thái Nguyên*

### TÓM TẮT

Bài viết trình bày kết quả nghiên cứu thực tiễn về nhóm các năng lực chuyên môn và nhóm các năng lực nghiệp vụ của giáo viên giảng dạy môn giáo dục thể chất ở trường phổ thông thuộc 6 tỉnh miền núi phía Bắc. Trong quá trình nghiên cứu chúng tôi sử dụng các phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu tham khảo, phương pháp tham vấn chuyên gia, phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi, phương pháp sử dụng toán học thống kê. Số phiếu gửi đi khảo sát là 80 phiếu trong đó có 64 phiếu phỏng vấn sâu, tham gia trả lời bảng câu hỏi là 50 cựu sinh viên hiện đang là giáo viên giáo dục thể chất và 14 cán bộ quản lý nhằm đánh giá các năng lực chung, năng lực nghề nghiệp cần có của giáo viên giáo dục thể chất. Kết quả nghiên cứu đã lựa chọn và đề xuất được 21 năng lực chung và 11 năng lực đặc thù trong đào tạo giáo viên giáo dục thể chất. Kết quả trên là một trong những cơ sở để đổi mới chương trình đào tạo giáo viên giáo dục thể chất đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông sau năm 2018.

**Từ khóa:** *Năng lực; hồ sơ năng lực; hồ sơ nghề nghiệp; giáo dục thể chất; giáo viên.*

*Ngày nhận bài: 07/10/2020; Ngày hoàn thiện: 08/12/2020; Ngày đăng: 09/12/2020*

## BUILDING PROFILE OF COMPETENCES FOR STUDENTS OF PHYSICAL EDUCATION AT TNU - UNIVERSITY OF EDUCATION

**Dao Ngọc Anh**

*TNU – University of Education*

### ABSTRACT

This article presents the results of practical research on the proficiency and professional competencies of teachers of physical education at high schools in 6 northern mountainous provinces. The study adopted a mixed method, including references analysis and synthesis, experts' consultation, questionnaire and statistics. The number of surveyed questionnaire was 80 votes, including 64 votes of deep interview; the participants were 50 alumnus who were currently physical education teachers and 14 administrators in order to evaluate general capacity and required professional capacity of physical education teachers. From the findings, 21 general competencies and 11 specific competencies were selected and suggested for physical education teachers training. This result is one of the bases for renewing the physical education teacher training program to meet the requirements of renewing the general education program after 2018.

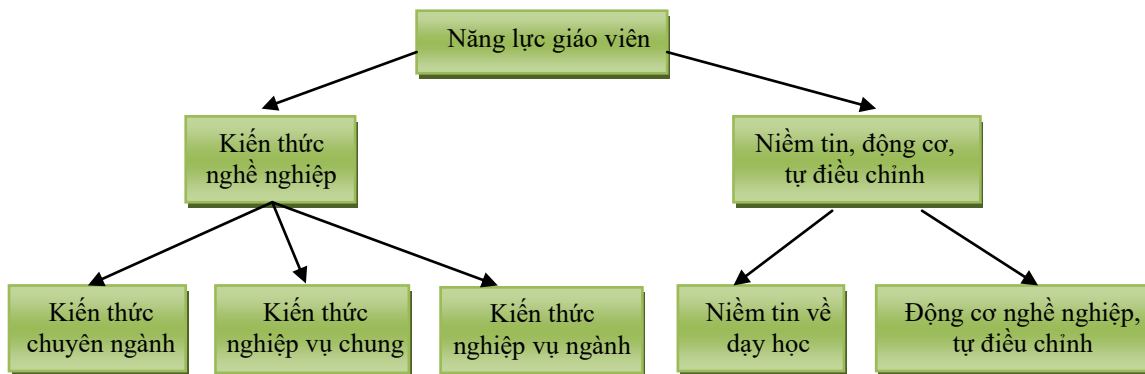
**Keywords:** *Competences; profile of competences; career profiles; Physical Education; teachers.*

*Received: 07/10/2020; Revised: 08/12/2020; Published: 09/12/2020*

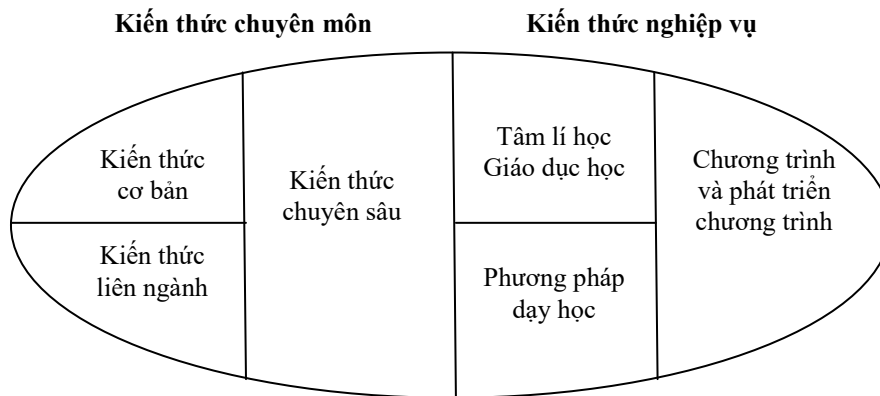
**1. Đặt vấn đề**

Sứ mạng của các trường sư phạm là đào tạo người làm nghề giáo dục. Tất yếu quá trình đào tạo phải căn cứ vào các tiêu chí phẩm chất nghề giáo dục, nghĩa là căn cứ vào yêu cầu của chuẩn nghề nghiệp giáo viên. Xây dựng, phát triển chương trình đào tạo thực chất là mô tả sản phẩm đào tạo, những hoạt động và điều kiện để thi công ra sản phẩm đó, nói khái quát là thiết kế tổng thể các hoạt động của quá trình đào tạo. Bước đầu tiên của xây dựng chương trình đào tạo là xác định chuẩn đầu ra. Do vậy, các cơ sở đào tạo giáo viên phải xuất phát từ thực tiễn giáo dục, trên cơ sở chuẩn nghề nghiệp của giáo viên để xây dựng hồ sơ năng lực của sinh viên. Các tác giả Döhrmann, Kaiser và Blömeke (2012) cho rằng “quá trình dạy học có thành công hay không phụ thuộc vào kiến thức chuyên môn và niềm tin vào việc dạy học của người giáo viên” [1]. Hình 1 là mô hình mô tả về năng lực giáo viên của Döhrmann và các đồng nghiệp.

Như vậy, người giáo viên cần có kiến thức cơ bản về môn học giảng dạy (gọi là kiến thức chuyên môn); kiến thức về nghiệp vụ giảng dạy môn học; niềm tin, động cơ nghề nghiệp và khả năng thích ứng, tự điều chỉnh trong quá trình dạy học (gọi là kiến thức nghiệp vụ). Trong chương trình giáo dục phổ thông mới, năng lực dạy học của người giáo viên gồm có các năng lực sau: (a) năng lực giáo dục; (b) năng lực dạy học; (c) Năng lực tự điều chỉnh. Đặc biệt, chương trình đề cập đến khả năng kiến tạo môi trường học tập, thiết kế và tổ chức hoạt động, chuẩn đoán, xây dựng giải pháp, tư vấn, niềm say mê và tình cảm nghề nghiệp của người giáo viên. Theo Ball, Thames và Phelps thì năng lực nghề nghiệp của người giáo viên gồm có kiến thức về chuyên môn và kiến thức về nghiệp vụ, đó cũng đồng thời cũng là những năng lực mà người tốt nghiệp đại học cần có (xem hình 2) [2].



**Hình 1.** Mô tả năng lực của giáo viên [1]



**Hình 2.** Hồ sơ năng lực nghề nghiệp giáo viên [2]

Trong giới nghiên cứu giáo dục cũng có nhiều quan điểm khác nhau về các thành tố của năng lực mà người tốt nghiệp đại học phải có. Tuy nhiên, về cơ bản, năng lực của người tốt nghiệp đại học bao gồm 4 thành tố [3]: 1/ Khối lượng, nội dung và trình độ kiến thức được đào tạo; 2/ Năng lực thực hành (kỹ năng kỹ xảo thực hành) được đào tạo; 3/ Năng lực nhận thức và năng lực tư duy được đào tạo và 4/ Năng lực xã hội (phẩm chất nhân văn) được đào tạo. Đây là những thành tố cơ bản mà từ đó mỗi nhà nghiên cứu lại chia nhỏ hơn thành các kỹ năng hoặc các cấp độ năng lực đo đếm được.

Chẳng hạn, chất lượng đào tạo đại học được phân loại theo năng lực, với các mức như sau [4]:

- Kỹ năng, kỹ xảo: Bắt chước - Thao tác - Chuẩn hoá - Phối hợp - Tự động hoá.

- Năng lực nhận thức: Biết - Hiểu - Vận dụng - Phân tích - Tổng hợp - Đánh giá - Chuyển giao - Sáng tạo.

- Năng lực tư duy: Tư duy logic - Tư duy trừu tượng - Tư duy phê phán - Tư duy sáng tạo.

- Phẩm chất nhân văn: Khả năng hợp tác - Khả năng thuyết phục - Khả năng quản lý.

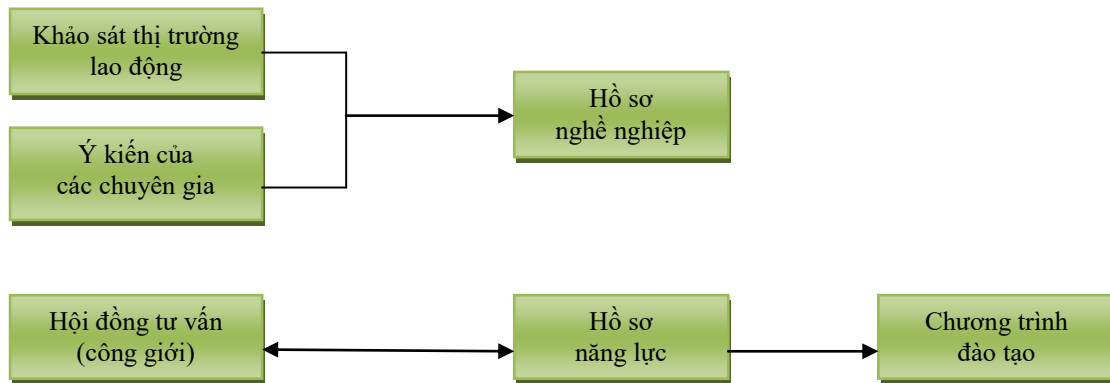
Một cách phân chia khác về năng lực của người tốt nghiệp đại học là căn cứ vào mục tiêu của giáo dục đại học toàn diện, theo đó, năng lực của người tốt nghiệp đại học bao gồm bốn nội dung [5]: 1/ Phẩm chất công dân, lý tưởng và kỹ năng sống; 2/ Tri thức (chuyên môn, xã hội, ngoại ngữ, tin học) và khả năng thường xuyên cập nhật kiến thức; 3/ Khả năng giao tiếp, hợp tác, năng lực thích ứng với những thay đổi; 4/ Khả năng thực hành, tổ chức và thực hiện công việc, khả năng tìm việc làm và tự tạo ra việc làm có ích cho bản thân và người khác.

Một nhà nghiên cứu khác lại cho rằng người tốt nghiệp đại học có ba năng lực nội trội và đánh giá ba năng lực này là có thể đánh giá

được mức độ thành công trong công việc của họ [6]: 1/ Có khả năng tìm được việc làm, tạo được việc làm trong một thị trường lao động đầy biến động; 2/ Có khả năng tự học, tự đào tạo, thường xuyên cập nhật kiến thức của mình và 3/ Có khả năng chuyển đổi ngành nghề, chiếm lĩnh được những trình độ chuyên môn mới, đó chính là yếu tố của năng lực thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng.

Gần với quan điểm này nhất là quan điểm về tiêu chí đánh giá chất lượng đào tạo đại học, theo đó, đối với từng ngành đào tạo, người tốt nghiệp phải có được các năng lực sau [7]: 1/ Phẩm chất xã hội - nghề nghiệp (đạo đức, ý thức, trách nhiệm và uy tín,...); 2/ Các chỉ số về sức khoẻ, tâm lý, sinh học; 3/ Trình độ kiến thức, kỹ năng chuyên môn; 4/ Năng lực hành nghề (cơ bản và thực tiễn); 5/ Khả năng thích ứng với thị trường lao động; 6/ Năng lực nghiên cứu và tiềm năng phát triển nghề nghiệp.

Dựa trên hồ sơ nghề nghiệp giáo viên, chương trình đào tạo giáo viên cần phát triển cho sinh viên tốt nghiệp những năng lực cần thiết, có thể tiệm cận tới những tiêu chuẩn trong hồ sơ nghề nghiệp, hay còn gọi là hồ sơ năng lực của sinh viên tốt nghiệp. Đối với ngành sư phạm Giáo dục thể chất, hồ sơ năng lực chính là tập hợp những năng lực và phẩm chất mà sinh viên cần đạt được để đảm nhận việc giảng dạy môn giáo dục thể chất ở trường phổ thông trong những môi trường giáo dục khác nhau sau khi tốt nghiệp. Để xây dựng được hồ sơ năng lực sinh viên, ta cần dựa trên phân tích kết quả khảo sát thị trường lao động, tham vấn ý kiến chuyên gia trong và ngoài nước và đối chiếu với yêu cầu thực tiễn giảng dạy ở trường phổ thông. Từ đó, các cơ sở đào tạo giáo viên mới có thể xác định được các mô-đun kiến thức trong chương trình đào tạo nhằm phát triển năng lực của sinh viên trong hồ sơ năng lực đã xây dựng (xem hình 3).



**Hình 3.** Quy trình xây dựng hồ sơ năng lực sinh viên

Theo quy trình trên, hội đồng tư vấn công giới và thị trường lao động đóng vai trò rất quan trọng trong việc xây dựng hồ sơ năng lực sinh viên và phát triển chương trình đào tạo giáo viên đáp ứng yêu cầu thực tiễn giảng dạy ở các trường phổ thông.

## 2. Khảo sát thị trường lao động

Dựa trên quy trình trên, Khoa Thể dục thể thao thuộc trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên đã tiến hành khảo sát thị trường lao động để tìm hiểu và đánh giá những năng lực của các sinh viên đã tốt nghiệp. Tổng số đối tượng được khảo sát là 110 người thuộc 6 tỉnh miền núi phía Bắc, trong đó có 24 cán bộ quản lý, 82 cựu sinh viên (là giáo viên) và 4 cựu sinh viên (không là giáo viên). Mục tiêu thứ 2 của đợt khảo sát là nhằm đánh giá về khả năng thích ứng và di chuyển nghề nghiệp của sinh viên sư phạm. Bộ phiếu hỏi và phỏng vấn sâu được thiết kế theo hướng đánh giá mức độ đạt được của các năng lực của cựu sinh viên Khoa thể dục thể thao (sau khi tốt nghiệp). Phỏng vấn sâu cũng được sử dụng để thu thập ý kiến từ các chuyên gia giáo dục. Kết quả khảo sát chính là căn cứ để xác định

hồ sơ năng lực sinh viên tốt nghiệp và định hướng đổi mới chương trình đào tạo theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng. Ngoài ra, các cơ sở đào tạo giáo viên cần thường xuyên tổ chức các hội thảo góp ý về phát triển chương trình đào tạo với sự tham gia của công giới (gồm lãnh đạo các Sở Giáo dục và Đào tạo, cán bộ quản lý các trường phổ thông và các cựu sinh viên). Các số liệu khảo sát được xử lý bằng phần mềm SPSS nhằm kiểm định các giả thuyết thống kê và đưa ra những kết luận cần thiết về những năng lực và phẩm chất của sinh viên tốt nghiệp.

Bộ phiếu hỏi được thiết kế trên thang 4 mức độ của Likert với mã hóa các mức độ từ không cần thiết (= 1) đến rất cần thiết (= 4). Dưới đây là những tổng hợp số điểm đánh giá trung bình của cựu sinh viên (TB1) và nhà quản lý (TB2) về mức độ cần thiết của các nhóm năng lực của sinh viên tốt nghiệp. Bảng 1, Bảng 2 và Bảng 3 lần lượt thể hiện mức độ đánh giá về nhóm năng lực đặc thù, nhóm kỹ năng nghề nghiệp và nhóm kỹ năng hoạt động xã hội của giáo viên.

**Bảng 1.** Đánh giá về nhóm năng lực đặc thù

TT	Năng lực	TB1	TB2
1	Năng lực phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, trừu tượng hóa, cụ thể hóa	3,6	3,8
2	Năng lực tổ chức thi đấu các môn thể thao	2,9	2,5
3	Năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề trong dạy học giáo dục thể chất.	3,5	3,6
4	Năng lực xây dựng và phát triển chương trình môn giáo dục thể chất	3,2	3,3
5	Năng lực vận dụng kiến thức của các môn thể thao trong dạy học môn Giáo dục thể chất ở trường phổ thông	2,7	2,5
6	Năng lực mô hình hóa các tình huống thực tiễn trong dạy học giáo dục thể chất.	3,4	3,2
7	Năng lực thực hành các bài tập thể thao	3,6	3,7

**Bảng 2.** Đánh giá về nhóm kỹ năng nghề nghiệp của giáo viên

TT	Năng lực	TB1	TB2
8	Kỹ năng tìm hiểu chương trình và sách giáo khoa	3,5	3,7
9	Kỹ năng lập kế hoạch dạy học và giáo dục	3,8	3,6
10	Kỹ năng tìm hiểu đối tượng, môi trường giáo dục	3,1	3,4
11	Kỹ năng thiết kế kế hoạch dạy học	3,7	3,7
12	Kỹ năng tổ chức các hoạt động dạy học	3,6	3,8
13	Kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục và hoạt động trải nghiệm sáng tạo	3,4	3,3
14	Kỹ năng kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh theo định hướng phát triển năng lực	3,5	3,7
15	Kỹ năng thiết kế và sử dụng phương tiện dạy học	2,6	2,8
16	Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học	3,1	3,5
17	Kỹ năng vận dụng thể dục thể thao vào thực tiễn	3,3	3,3
18	Kỹ năng dạy học phân hóa đối tượng	3,6	3,5
19	Kỹ năng xử lý các tình huống sư phạm	3,2	3,4
20	Kỹ năng tự học, tự bồi dưỡng	3,6	3,6
21	Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ trong công việc	2,8	2,6

**Bảng 3.** Đánh giá về phẩm chất cá nhân và nhóm kỹ năng hoạt động xã hội

TT	Năng lực	TB1	TB2
22	Phẩm chất chính trị	3,6	3,5
23	Đạo đức nghề nghiệp	3,6	3,8
24	Kỹ năng quản lý	3,2	3,2
25	Kỹ năng làm việc theo nhóm	3,3	3,1
26	Kỹ năng thuyết trình trước đám đông	3,4	3,4
27	Kỹ năng ứng xử với học sinh	3,8	3,7
28	Kỹ năng ứng xử với đồng nghiệp, với cha mẹ học sinh	3,6	3,7
29	Kỹ năng ứng xử với các tổ chức chính trị - xã hội	2,9	3,3
30	Kỹ năng phối hợp các tổ chức, cá nhân để giáo dục học sinh	3,1	3,3

Kết quả ở bảng 1 cho thấy cựu sinh viên và nhà quản lý có cùng ý kiến đánh giá về những năng lực đặc thù của giáo viên dạy môn giáo dục thể chất. Đặc biệt, các năng lực 1, 3, và 7 được đánh giá ở mức độ rất cần thiết cao. Điều này chứng tỏ kiến thức chuyên môn và năng lực vận dụng kiến thức trong thực tiễn đóng vai trò hết sức quan trọng trong dạy học môn giáo dục thể chất. Bảng 2 cho thấy những kỹ năng 9, 11, 12, 14, 18, và 20 có điểm trung bình cao, đặc biệt là kỹ năng thiết kế và tổ chức các hoạt động dạy học. Trong nhóm kỹ năng này vẫn có sự thống nhất trong đánh giá của cựu sinh viên và nhà quản lý, trong đó kỹ năng tự học và tự bồi dưỡng được đánh giá ở mức độ tương đối cao (TB=3,7). Bảng 3 chỉ ra các kỹ năng 22, 23, 27, và 28 rất cần thiết đối với sinh viên tốt nghiệp ngành Giáo dục thể chất, trong đó nhấn mạnh đến đạo đức nghề nghiệp, nghệ thuật ứng xử cũng như kỹ năng giao tiếp của sinh viên.

Tuy nhiên, qua phỏng vấn sâu cán bộ quản lý và giáo viên, chúng tôi nhận thấy giáo viên giáo dục thể chất còn hạn chế ở những năng lực như: Năng lực mô hình hóa các tình huống thực tiễn, năng lực xử lý các tình huống sư phạm, năng lực thuyết trình, năng lực vận dụng các bài tập thể thao trong thi đấu và trong rèn luyện nâng cao sức khỏe. Đặc biệt, nhiều cán bộ phổ thông và cán bộ quản lý giáo dục chưa chỉ ra được những kỹ năng cần thiết của người giáo viên giáo dục thể chất đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông như: kỹ năng phát triển chương trình dạy học; kỹ năng thu thập, khai thác và xử lý thông tin phục vụ bài giảng; kỹ năng dạy học tích hợp; kỹ năng nghiên cứu khoa học và hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học; kỹ năng giúp đỡ đồng nghiệp; kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính; kỹ năng tư vấn, hỗ trợ tâm lý học đường và hướng nghiệp; kỹ năng tổ chức các sự kiện, hội nghị,

hội thảo, các giải thi đấu thể thao; kỹ năng tư duy phê phán. Điều này cho thấy, các cơ sở đào tạo giáo viên cần chủ động nghiên cứu xây dựng các chuyên đề bồi dưỡng nhằm hình thành và phát triển những kỹ năng trên cho đội ngũ giáo viên phổ thông.

Từ kết quả khảo sát thị trường lao động, các cơ sở đào tạo giáo viên cần xây dựng hồ sơ năng lực mới của sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Giáo dục thể chất, từ đó xác định những nội dung cơ bản trong đổi mới chương trình đào tạo giáo viên và xây dựng tiêu chuẩn đánh giá chuẩn đầu ra của sinh viên tốt nghiệp.

### 3. Hồ sơ năng lực sinh viên

Bên cạnh phân tích khảo sát thực tế, để xây dựng hồ sơ năng lực của sinh viên chuyên ngành giáo dục thể chất, ta cần tham chiếu với mục tiêu của chương trình giáo dục phổ thông mới qua môn giáo dục thể chất, ví dụ như giúp học sinh [6]: Có kiến thức và ý thức thực hiện vệ sinh cá nhân, vệ sinh trong tập luyện thể dục thể thao để bảo vệ sức khỏe; Có kiến thức cơ bản về thực hiện chế độ dinh dưỡng trong tập luyện và sinh hoạt; Phát triển khả năng thích ứng của cơ thể với môi trường; Thực hiện được các kỹ năng vận động cơ bản một cách tự tin, dũng cảm trong hoạt

động thể dục thể thao và trong cuộc sống; Phát triển, duy trì các tố chất thể lực để tham gia thường xuyên các hoạt động thể thao và các hoạt động khác trong cuộc sống; Phát triển nhận thức về tầm quan trọng của vận động cơ bản và sự phát triển thể lực trong cuộc sống; Thể hiện khả năng vận dụng các kỹ năng vận động trong các hoạt động thể dục thể thao khác nhau; Phát triển kỹ năng làm việc cá nhân, khả năng phối hợp với người khác, sẵn sàng đảm nhận các vai trò khác nhau trong các hoạt động thể dục thể thao và các hoạt động khác trong cuộc sống; Phát triển kiến thức và khả năng quan sát, cảm nhận để thưởng thức các hoạt động thể dục thể thao. Do đó, người giáo viên cũng cần phải có những kỹ năng này để giúp học sinh hình thành và phát triển những kỹ năng tương ứng.

Dựa trên nghiên cứu thực tiễn và tham vấn ý kiến chuyên gia, chúng tôi đề xuất nhóm các năng lực chung và nhóm các năng lực đặc thù được trình bày trong hồ sơ năng lực của sinh viên tốt nghiệp ngành giáo dục thể chất ở các mức độ khác nhau (cao, trung bình, thấp): Bảng 4 là đề xuất về nhóm 21 năng lực chung và nhóm 11 năng lực đặc thù trong đào tạo giáo viên giáo dục thể chất theo các mức độ: cao, thấp và trung bình.

**Bảng 4.** Một số đề xuất về nhóm các năng lực chung và nhóm các năng lực đặc thù trong đào tạo giáo viên Giáo dục thể chất

TT	Nhóm các năng lực chung	Mức độ
1	Năng lực phân tích và tổng hợp	Trung bình
2	Năng lực lập kế hoạch và quản lý	Thấp
3	Năng lực giao tiếp	Cao
4	Năng lực sử dụng ngoại ngữ	Thấp
5	Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học	Cao
6	Năng lực nghiên cứu khoa học và hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học	Cao
7	Năng lực tự học, tự bồi dưỡng	Cao
8	Năng lực giúp đỡ đồng nghiệp phát triển nghề nghiệp	Trung bình
9	Năng lực làm việc theo nhóm	Cao
10	Năng lực làm việc trong môi trường đa văn hóa	Thấp
11	Năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề trong thực tiễn	Cao
12	Năng lực làm việc theo nhóm liên ngành	Trung bình
13	Năng lực tư vấn, hỗ trợ tâm lý học đường và hướng nghiệp	Thấp
14	Năng lực dạy học tích hợp và phân hóa	Cao
15	Năng lực liên hệ kiến thức môn học với các vấn đề trong thực tiễn	Trung bình

TT	Nhóm các năng lực chung	Mức độ
16	Năng lực xử lý các tình huống sư phạm	Cao
17	Năng lực nghiên cứu và phát triển chương trình dạy học	Cao
18	Năng lực tổ chức các hoạt động xã hội	Thấp
19	Năng lực giáo dục kỹ năng sống cho học sinh	Thấp
20	Năng lực tư duy phê phán	Trung bình
21	Đạo đức nghề nghiệp, tâm huyết với nghề dạy học	Cao
Nhóm các năng lực đặc thù		
22	Năng lực thực hành các bài tập thể thao	Cao
23	Năng lực vận dụng các bài tập vào tập luyện nâng cao sức khỏe và thi đấu thể thao	Thấp
24	Năng lực phát triển các môn thể thao	Trung bình
25	Năng lực trừu tượng hóa và khái quát hóa	Cao
26	Năng lực mô hình hóa các tình huống thi đấu thể thao trong thực tiễn	Cao
27	Năng lực tư duy phân tích định lượng	Trung bình
28	Năng lực sử dụng ngôn ngữ trong dạy học môn giáo dục thể chất	Trung bình
29	Năng lực thiết kế và sử dụng các phương tiện dạy học	Trung bình
30	Năng lực thiết kế và sử dụng các hoạt động dạy học	Cao
31	Năng lực thiết kế và sử dụng các hoạt động trải nghiệm sáng tạo	Cao
32	Năng lực đánh giá kết quả học tập của học sinh theo định hướng phát triển năng lực	Cao

Tóm lại, để đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, người giáo viên cần được đào tạo và bồi dưỡng những năng lực mới được trình bày ở trên như: năng lực nghiên cứu và phát triển chương trình dạy học; năng lực dạy học tích hợp; năng lực đánh giá kết quả học tập của học sinh; năng lực thiết kế và tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo; năng lực nghiên cứu khoa học và hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học. Đây là nhóm năng lực được đề xuất phát triển ở mức độ cao trong chương trình đào tạo giáo viên.

Ngoài ra, theo kết quả điều tra thực tế, nhiều cựu sinh viên và cán bộ quản lý đưa ra kiến nghị cơ sở đào tạo giáo viên cần tập trung rèn luyện cho sinh viên ngành giáo dục thể chất một số năng lực hỗ trợ quá trình giáo dục kỹ năng sống và tư vấn hướng nghiệp cho học sinh phổ thông như: năng lực giao tiếp, năng lực tổ chức các hoạt động xã hội, năng lực xử lý các tình huống sư phạm và năng lực tư vấn tâm lý học đường và hướng nghiệp.

#### 4. Kết luận

Xây dựng hồ sơ năng lực sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành giáo dục thể chất là cơ sở để

xác định nội dung các mô-đun kiến thức, phương pháp tổ chức dạy học và phương pháp đánh giá kết quả học tập của sinh viên, trong đó cần thiết kế ma trận năng lực để đối chiếu mỗi mô-đun kiến thức với một nhóm năng lực cụ thể. Kết quả nghiên cứu của bài viết đã đề xuất được nhóm các năng lực chung và nhóm các năng lực đặc thù của sinh viên chuyên ngành giáo dục thể chất trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên, dựa vào những nhóm năng lực trên Khoa thể dục thể thao trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên thực hiện đổi mới khung chương trình đào tạo, thay thế các mô-đun kiến thức để đáp ứng được chuẩn nghề nghiệp của giáo viên phổ thông mới năm 2018. Hồ sơ năng lực của sinh viên chuyên ngành giáo dục thể chất có thể được thay thế, bổ sung thường xuyên để đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới năm 2018, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam đang trong quá trình hội nhập mạnh mẽ với thế giới, trong đó phải kể đến sự hình thành cộng đồng chung của các nước ASEAN.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1]. M. Döhrmann, G. Kaiser, and S. Blömeke, "The conceptualisation of mathematics competencies in the International Teacher Education Study TEDS-M," in *International Perspectives on Teacher Knowledge, Beliefs and Opportunities to Learn*, S. Blömeke, F.-J. Hsieh, G. Kaiser and W. H. Schmidt eds. TEDS-M results. Dordrecht, The Netherlands: Springer, 2014, pp. 43-456.
- [2]. D. L. Ball, M. H. Thames, and G. Phelps, "Content knowledge for teaching: What makes it special?," *Journal of Teacher Education*, vol. 59, no. 5, pp. 389-407, 2008.
- [3]. H. C. Nguyen, *Quality of Education - Theoretical and practical issues*. Education Publishing House, Hanoi, 2008.
- [4]. D. N. Le, "Vietnam Education and Training: The search for quality in the past, present and future," presented at International Conference of Education-Training: The Search for Quality, Ho Chi Minh City, Vietnam, 4/2006.
- [5]. K. D. Tran, *Management and accreditation the quality of human resources training*. Education Publishing House, Hanoi, 2003.
- [6]. T. H. Dang, "Competence and education according to capacity access," *Journal of Education Management*, no. 43, pp. 21-31, December 2012.
- [7]. D. K. Tran, "Building a system of evaluation criteria for teaching capacity and developing teacher training programs in the Northern Midlands and Mountains," *Journal of Ethnic Minorities Research*, no. 20, pp. 77-80, December, 2017.